

Số: 2108 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình  
Đường trục chính đô thị- nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030; Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030;

Căn cứ Nghị Quyết số 271/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án khởi công mới kế hoạch đầu tư công năm 2021 (đợt 3);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 297/TTr-SXD ngày 20/8/2021 và Kết quả thẩm định số 217/KQTĐ ngày 19/8/2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường trục chính đô thị - Nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Đường trục chính đô thị - Nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

**3. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu.

**4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:**

**4.1. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa, giao thông đi lại của nhân dân, hoàn

*Patv*

thành kết cấu hạ tầng, tạo lập một khu dân cư mới hoàn chỉnh đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, góp phần chỉnh trang đô thị, sắp xếp lại dân cư, tạo quỹ đất để khai thác tạo nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng để từng bước hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu của đô thị. Bên cạnh đó, tuyến đường sau khi được đầu tư sẽ tạo động lực để phát triển kinh tế xã hội, du lịch của huyện Mộc Châu nói riêng và tỉnh Sơn La nói chung. Đồng thời đảm bảo các tiêu chí để nâng cấp đô thị Mộc Châu, xây dựng thị xã Mộc Châu vào năm 2025.

#### 4.2. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế chủ yếu:

##### 4.2.1. Phạm vi dự án, quy mô đầu tư:

- Điểm đầu tuyến: Km183 - Quốc lộ 6 (thuộc tiểu khu 70, thị trấn Nông trường Mộc Châu);

- Điểm cuối tuyến: Km192+800 - QL6 (thuộc tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu);

- Tổng chiều dài khoảng  $L=10,0\text{Km}$ .

- Vận tốc thiết kế:  $V_{tk}=50\text{km/h}$ ;

- Quy mô hoàn chỉnh: Đường có quy mô 4 làn xe hỗn hợp.

+ Từ điểm đầu tại Km183+00 Quốc lộ 6 đến Km3+650; từ Km5+360 đến điểm cuối Km192+800 Quốc lộ 6, chiều dài  $L=8,9\text{Km}$ ; bề rộng nền đường  $B_n=34,0\text{m}$ ; bề rộng mặt đường  $B_m=15,0\text{m}$ ; bề rộng hè đường  $B_{h\grave{e}}=2\times 6,0=12,0\text{m}$ ; giải phân cách giữa 7,0m;

+ Từ Km3+650 đến Km5+360 chiều dài  $L=1,60\text{Km}$ ; bề rộng nền đường  $B_n=20,0\text{m}$ ; bề rộng mặt đường  $B_m=15,0\text{m}$ ; bề rộng hè đường  $B_{h\grave{e}}=2\times 2,0=4,0\text{m}$ ; giải phân cách giữa 1,0m.

##### 4.2.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Thiết kế bình đồ: Cơ bản phù hợp với đồ án quy hoạch được phê duyệt, địa hình thực tế, tuyến đường được thiết kế đảm bảo phù hợp với địa hình khu vực và địa hình các khu dân cư hiện hữu, các nút giao thông được thiết kế cùng mức, tăng tính êm thuận và đảm bảo cho xe chạy.

b) Thiết kế trắc dọc: Trắc dọc được thiết kế theo nguyên tắc kết hợp hài hoà giữa các yếu tố bằng và các yếu tố đứng, phù hợp với quy hoạch được duyệt, đảm bảo ổn định nền, mặt đường các công trình trên tuyến và các công trình lân cận; dốc dọc lớn nhất  $I_{\max}=7\%$ .

c) Thiết kế trắc ngang: Bề rộng nền đường  $B_n=34,0\text{m}$  và  $B_n=20,0\text{m}$ ; bề rộng mặt đường  $B_m=15,0\text{m}$ ; hè đường hai bên  $B_{h\grave{e}}=2\times 6,0=12,0\text{m}$  và  $B_{h\grave{e}}=2\times 2,0=4,0\text{m}$ ; giải phân cách giữa 7,0m và 1,0m. Trong đường cong đều bố trí siêu cao và mở rộng theo quy trình.

d) Kết cấu mặt đường gồm:

- Kết cấu mặt đường cấp cao A1, kết cấu áo đường làm mới ( $E_{yc}\geq 155\text{Mpa}$ ) trên nền đất; kết cấu mặt đường thảm BTNC 12,5 dày 5cm/tưới nhựa dính bám nhũ tương tiêu chuẩn  $0,5\text{kg/m}^2$ /lớp thảm BTNC C19 dày 7cm/lớp tưới nhựa

*thực*

thấm bám tiêu chuẩn  $1,0\text{kg}/\text{m}^2/\text{lớp}$  cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm/lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 24cm/lớp đất đầm chặt  $K=0,98/\text{lớp}$  đất đầm chặt  $K=0,95$ ;

- Kết cấu mặt đường cấp cao A1, kết cấu áo đường làm mới ( $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$ ) trên nền đá; kết cấu mặt đường thảm BTNC 12,5 dày 5cm/tươi nhựa dính bám nhũ tương tiêu chuẩn  $0,5\text{kg}/\text{m}^2/\text{lớp}$  thảm BTNC C19 dày 7cm/lớp tươi nhựa thấm bám tiêu chuẩn  $1,0\text{kg}/\text{m}^2/\text{lớp}$  cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm.

đ) Đường giao dân sinh: Các giao cắt khác (*đường giao dân sinh, ngõ xóm hiện tại...*) được thiết kế vượt nổi giao bằng có cấm biên chỉ dẫn, ưu tiên và đảm bảo tầm nhìn trên các đường không ưu tiên.

e) Thiết kế nền đường: Căn cứ điều kiện thực tế thiết kế đảm bảo theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn.

g) Thiết kế nút giao: Thiết kế nút giao đồng mức, đồng bộ và hoàn chỉnh phù hợp với quy hoạch được duyệt, đảm bảo xe chạy an toàn, êm thuận; các vị trí giao cắt với đường dân sinh hiện trạng thiết kế vượt nổi hài hòa.

h) Thiết kế công thoát nước: Tổng số gồm 21 công trình thoát nước ngang với khẩu độ D1,0m, D1,5m và công bản L=1,0m và công hộp BxH=(4x4). Tại Km1+760.16; Km4+569.24 và Km5+24.60 tuyến cắt qua suối Mòn, xây dựng công hộp khẩu BxH=2x(5x4)m; BxH=2x(6x3)m và BxH=3x(5x5)m, cụ thể:

- Công tròn: Ống công lắp ghép bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*), kết cấu thân công, móng công, tường cánh, tường đầu bằng bê tông xi măng mác 200 đổ tại chỗ, dưới đệm móng bằng đá Base B dày 10cm;

- Công bản: Bản công bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B22.5 (*mác 300*) đổ lắp ghép, mũ mố bằng bê tông cốt thép mác 250 đổ tại chỗ. Kết cấu móng công, sân công, tường cánh, tường đầu bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*) đổ trực tiếp, dưới đệm móng bằng đá Base B dày 10cm;

- Công hộp: Thân công hộp bê tông cốt thép cấp độ bền B22.5 (*mác 300*) đổ tại chỗ, tường cánh bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (*mác 250*), sân công, chân khay bằng bê tông cốt thép hoặc bê tông xi măng cấp độ bền B20 (*mác 250*). Mái taluy thượng, hạ lưu gia cố bằng bê tông xi măng mác 200 dày 20cm gia cường lưới thép D8, a=15cm, dưới đệm lớp vữa xi măng mác 100 dày 5cm, thiết kế cấm chân khay bằng bê tông xi măng mác 200 rộng 30cm sâu 1m. Bản quá độ bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B22.5 (*mác 300*) dày 20cm đổ tại chỗ, bên dưới đệm đá dăm; gờ chắn bánh bằng bê tông cốt thép mác 300; lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm nhúng nóng khoảng cách 2m/cột.

i) Thiết kế rãnh dọc, rãnh chịu lực:

- Rãnh dọc, hồ ga, hồ thu nước mặt đường:

+ Hệ thống thoát nước rãnh dọc thường: Rãnh dọc thường kích thước (BxH)=(100x100)cm, rãnh đặt chìm dưới hè phố; tấm đan nắp rãnh bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (*mác 250*) đúc sẵn lắp ghép. Thân rãnh bằng đá xây vữa xi măng mác 100, trát vữa xi măng mác 75; mũ mố bằng bê tông xi măng

*Đạt*

cấp độ bền B15 (mác 200) đổ tại chỗ, móng rãnh bằng bê tông xi măng cấp độ bền B12.5 (mác 150) đổ tại chỗ, dưới đáy móng đệm đá Base B dày 10cm;

+ Hệ thống thoát nước rãnh dọc chịu lực: Để thoát nước rãnh dọc qua ngã ba thiết kế rãnh dọc chịu lực kích thước (BxH)=(100x80)cm, thân cống bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250) dày 30cm, dưới móng cống đệm đá thải dày 10cm. Tấm bản nắp rãnh bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B22.5 (mác 300) đúc sẵn lắp ghép;

+ Thiết kế cửa thu, hố ga thoát nước mặt đường: Cửa thu nước mặt đường bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) có lắp đáy bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250) và song chắn rác đúc bằng gang kích thước (90x25x3cm), trung bình 25m bố trí 1 cửa thu nước, bố trí hai bên đường.

k) Tường chắn: Tường chắn thiết kế áp dụng định hình 86-06X, kết cấu tường chắn bằng bê tông đổ tại chỗ cấp độ bền B15 (mác 200). Móng tường chắn bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200), lót móng bê tông mác 100 dày 10cm; thân tường chắn, mũ tường chắn bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) đổ tại chỗ; tường hộ lan bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200).

l) Hệ thống an toàn giao thông: Vạch sơn kẻ đường, biển báo hiệu đầy đủ theo QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ và phù hợp với điều kiện thực tế.

m) Thiết kế cây xanh cảnh quan: Hai bên hè phố bố trí hố trồng cây hình vuông có kích thước (110x110)cm; bó bồn hố trồng cây bằng bê tông cốt thép đổ lắp ghép kích thước (110x15x15)cm dưới đệm lót xi măng cấp độ bền B7.5 (mác 100) dày 2cm. Bên trong hố trồng cây bóng mát, phần đất trong hố trồng là đất màu cao 32cm;

n) Hè, bó vỉa, dải phân cách giữa, bó gáy và tấm rãnh tam giác thu nước mặt đường:

- Hè phố: Hai bên hè phố lát gạch TERRAZO dày 3cm/lớp vữa xi măng mác 75/lớp cát đệm dày 2cm với độ dốc 1% dốc về phía mặt đường. Trên hè phố được bố trí các hố trồng cây, cự ly trung bình 10m/hố; các hố này được bố trí ở mép ngoài hè phố và được bố trí dọc 2 bên hè phố;

- Bó vỉa hè phố: Thiết kế gạch bó vỉa mép trong hè phố dạng vát, viên gạch bó vỉa bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) đúc sẵn lắp ghép kích thước (100x35x23)cm cho đoạn thẳng và kích thước (50x35x23)cm cho đoạn cong/lớp lót vữa xi măng cấp độ bền B7.5 (mác 100) dày 2cm/lớp bê tông đệm mác 100 dày 8cm. Viên gạch bó vỉa thoát nước bằng BTCT cấp độ bền B15 (mác 200) đúc sẵn lắp ghép kích thước (100x35x23)cm đặt trước cửa thu nước;

- Dải phân cách giữa: Các vị trí giải phân cách được bố trí bó vỉa bằng viên vỉa bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) đúc sẵn lắp ghép, kích thước (100x45x20)cm bố trí cao hơn mặt đường 30cm. Phía trong giải phân cách đắp đất, mặt ngoài viên vỉa sơn phản quang theo điều lệ báo hiệu đường bộ. Ở giữa

*Đạt*

dải phân cách trồng cây xanh bóng mát, cự ly trung bình 10m/cây; hai bên trồng cây hoa bụi cự ly 1m/cây;

- Bó gáy hè phố: Gạch bó gáy hè phố nằm mép ngoài hè được làm bằng bê tông xi măng cấp độ bền B7.5 (*mác 100*) đúc sẵn lắp ghép, kích thước (100x20x15)cm;

- Tấm rãnh tam giác thu nước mặt đường: Mép mặt đường được tạo vát dốc 10% về phía vỉa hè; tấm rãnh tam giác bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (*mác 200*) đúc sẵn lắp ghép kích thước (50x30x5)cm/lớp vỉa xi măng cấp độ bền B7.5 (*mác 100*) dày 2cm/ lớp móng bê tông xi măng cấp độ bền B7.5 (*mác 100*).

o) Hệ thống thoát nước thải: Tổng chiều dài  $L=24.373,5\text{m}$ , sử dụng ống cống uPVC đường kính D110-D300. Hệ thống thu gom nước thải đi riêng với hệ thống thoát nước mặt và thoát lũ; thu nước thải toàn bộ từ các hộ dân qua hộp đấu nối ra đường cống chính uPVC D300; toàn bộ hệ thống thoát nước thải được gom và đấu nối với Trạm xử lý thoát nước thải SH1 và SH2. Ống thoát nước thải uPVC D300 đi dọc hai bên tuyến đường giao thông. Hồ ga trên vỉa hè và lòng đường, kích thước lòng hồ ga (BXH)=(700x700)mm; móng lót bằng bê tông cấp độ bền B7.5 (*mác 100*); đế hồ ga bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*); thành hồ ga xây bằng gạch vỉa xi măng *mác 75*; giếng cổ ga bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*); nắp tấm đan bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (*mác 250*). Thoát nước thải từ các hộ gia đình được thoát ra cống chính qua hộp đấu nối, hệ thống ống chờ, tê; kích thước hộp đấu nối (BXH)=(500x500)mm; đáy hộp đệm bằng đá dăm dày 5cm; hộp bê tông xi măng cấp độ bền B20 (*mác 250*), tấm đan bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (*mác 250*);

p) Hệ thống cấp nước: Tổng chiều dài khoảng  $L=40.168\text{m}$ , sử dụng ống HDPE DN63--DN110; đường ống chính HDPE DN110 bố trí trên vỉa hè hai bên đường giao thông cách gáy hè 0,5m-1m; tại các ngã 3 cách mép bó vỉa khoảng 2,5m bố trí trụ cứu hỏa DN125. Xây dựng các tuyến ống phân phối hiện trạng, thiết kế mạng để đảm bảo yêu cầu cấp nước an toàn và đầy đủ cho toàn khu. Các tuyến ống nhánh, ống dịch vụ đường kính DN63 -DN110 đối với hệ thống cấp nước chính trong khu vực hiện hữu, bố trí 24 hố van điều tiết và 58 trụ cứu hỏa.

q) Hệ thống cấp điện: Xây dựng mới 340m đường dây (02 tuyến đường dây trên không 35kV; 02 tuyến đường dây trên không 22kV) và 04 TBA (02 TBA 100 kVA-35/0,4kV và 02 TBA 100 kVA- 22/0,4kV). Giải pháp thiết kế chủ yếu:

- Cấp cho TBA số 1:

+ Đường dây trung áp: Xây dựng nhánh rẽ 22kV cấp điện từ đường dây 22kV lộ 478 E17.1 đến 01 TBA mới xây dựng trong khu dân cư; điểm đầu tuyến tại vị trí cột số 25/21 đường dây 22kV lộ 478 E17.1; điểm cuối tuyến tại TBA phân phối dự kiến xây dựng; cột NPC.I-18-190-9.2; móng cột loại MT-5 bê tông cốt thép đúc trực tiếp cấp độ bền B15 (*mác 200*); dây dẫn nhôm lõi thép bọc cách điện AC70/11-XLPE2.5/HDPE; cách điện đứng VHD-24, cách điện treo

*thực*

polymer 24kV; tiếp địa nhân tạo cọc tia hỗn hợp RC-4; xà chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng và phụ kiện lắp đặt chế tạo sẵn đồng bộ cáp bọc cách điện;

+ Trạm biến áp: Công suất trạm 100kVA; kiểu trạm treo trên cột ngoài trời; điện áp sơ cấp 22kV; điện áp thứ cấp 0,4kV; nối đất tiếp địa nhân tạo trang bị nối đất cọc tia hỗn hợp. Máy biến áp được đặt trên 02 cột NPC.I-12-190-9,2; móng cột trạm loại móng MT-3 bê tông cốt thép đúc trực tiếp cấp độ bền B15 (mác 200); cáp lực Cu/XLPE/PVC (3x70+1x50)mm<sup>2</sup>; dây nhôm AC50/8-XLPE2.5/HDPE; cách điện đứng VHD-24 (cả ty); tiếp địa nhân tạo cọc tia hỗn hợp RC-4; chống sét van HD-24; tủ trọn bộ 2 lộ ra 400V-160A; cầu chì tự rơi CR 24/100; xà, giá đỡ, chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng và phụ kiện lắp đặt chế tạo sẵn đồng bộ cáp bọc cách điện.

- Cấp cho TBA số 2:

+ Đường dây trung thế: Tuyến đường dây 22KV câu đầu từ vị trí cột 28 hiện có đường dây trên không 22kV lộ 474-E17.1 Sơn La, dây dẫn nhôm AC50/8-XLPE2.5/PVC. Điểm đầu tuyến tại cột đỡ thẳng vị trí cột 28 hiện có đường dây trên không 22kV lộ 478-E17.1 Sơn La; sử dụng xà rã 22-6; tiếp địa nhân tạo cọc tia hỗn hợp RC-4; điểm cuối tuyến tại trạm biến áp số 2 dự kiến xây dựng;

+ Trạm biến áp: Công suất trạm 100kVA; kiểu trạm treo trên cột ngoài trời; điện áp sơ cấp 22kV; điện áp thứ cấp 0,4kV; nối đất tiếp địa nhân tạo trang bị nối đất cọc tia hỗn hợp. Máy biến áp được đặt trên 02 cột NPC.I-12-190-9,2; móng cột trạm loại móng MT-3 bê tông cốt thép đúc trực tiếp cấp độ bền B15 (mác 200); cáp lực Cu/XLPE/PVC (3x70+1x50)mm<sup>2</sup>; dây nhôm AC50/8-XLPE2.5/HDPE; cách điện đứng VHD-24 (cả ty); tiếp địa nhân tạo cọc tia hỗn hợp RC-4; chống sét van HD-24; tủ trọn bộ 2 lộ ra 400V-160A; cầu chì tự rơi CR 24/100; xà, giá đỡ, chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng và phụ kiện lắp đặt chế tạo sẵn đồng bộ cáp bọc cách điện.

- Cấp cho TBA số 3:

+ Đường dây trung áp: Tuyến đường dây 35kV câu đầu từ vị trí cột 63/1 hiện có đường dây trên không 35kV lộ 376-E17.1 Sơn La; dây dẫn nhôm AC50/8-XLPE4.3/PVC. Điểm đầu tuyến tại cột đỡ néo vị trí cột 63/1 hiện có đường dây trên không 35kV lộ 376-E17.1 Sơn La; sử dụng 3 bộ xà phụ CX-1P; điểm cuối tuyến tại trạm biến áp số 3 dự kiến xây dựng;

+ Trạm biến áp: Công suất trạm 100kVA; kiểu trạm treo trên cột ngoài trời; điện áp sơ cấp 35kV; điện áp thứ cấp 0,4kV; nối đất tiếp địa nhân tạo trang bị nối đất cọc tia hỗn hợp. Máy biến áp được đặt trên 02 cột NPC.I-12-190-9,2; móng cột trạm loại móng MT-3 bê tông cốt thép đúc trực tiếp cấp độ bền B15 (mác 200); cáp lực Cu/XLPE/PVC (3x70+1x50)mm<sup>2</sup>; dây nhôm AC50/8-XLPE2.5/HDPE; cách điện đứng VHD-35 (cả ty); tiếp địa nhân tạo cọc tia hỗn hợp RC-4; chống sét van HD-35; tủ trọn bộ 2 lộ ra 400V-160A; cầu chì tự rơi CR 24/100; xà, giá đỡ, chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng và phụ kiện lắp đặt chế tạo sẵn đồng bộ cáp bọc cách điện. *thuv*

- Cấp cho TBA số 4:

+ Đường dây trung áp: Tuyến đường dây 35kV cầu đầu từ vị trí cột 70 hiện có đường dây trên không 35kV lộ 376-E17.1 Sơn La; dây dẫn nhôm AC50/8-XLPE4.3/PVC. Điểm đầu tuyến tại cột đỡ néo vị trí cột 70 hiện có đường dây trên không 35kV lộ 376-E17.1 Sơn La; sử dụng 1 bộ xà rã 35-6; điểm cuối tuyến tại trạm biến áp số 4 dự kiến xây dựng.

+ Trạm biến áp: Công suất trạm 100kVA; kiểu trạm treo trên cột ngoài trời; điện áp sơ cấp 35kV; điện áp thứ cấp 0,4kV; nối đất tiếp địa nhân tạo trang bị nối đất cọc tia hỗn hợp. Máy biến áp được đặt trên 02 cột NPC.I-12-190-9,2; móng cột trạm loại móng MT-3 bê tông cốt thép đúc trực tiếp cấp độ bền B15 (mác 200); cáp lực Cu/XLPE/PVC (3x70+1x50)mm<sup>2</sup>; dây nhôm AC50/8-XLPE2.5/HDPE; cách điện đứng VHD-35 (cả ty); tiếp địa nhân tạo cọc tia hỗn hợp RC-4; chống sét van HD-35; tủ trọn bộ 2 lộ ra 400V-160A; cầu chì tự rơi CR 24/100; xà, giá đỡ, chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng và phụ kiện lắp đặt chế tạo sẵn đồng bộ cấp bọc cách điện.

r) Hệ thống điện chiếu sáng: Sử dụng cột thép cần đơn cao 11,0m; cấp nguồn cho đèn chiếu sáng đường giao thông sử dụng cáp ngầm chiếu sáng (4x16)mm<sup>2</sup> đặt ngầm trong hào cáp, kiểu đèn Led cao áp chóa bán rộng 200W điện áp 220V (Đèn Led ánh sáng trắng xen kẽ ánh sáng vàng).

**5. Tổ chức tư vấn lập dự án, tổ chức lập khảo sát xây dựng:** Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giao thông Sơn La; địa chỉ: Số 498 đường Trần Đăng Ninh, tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La.

**6. Địa điểm xây dựng:** Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

**7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:** Dự án nhóm B; Công trình giao thông (đường trong đô thị), cấp III; Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III; Công trình công nghiệp, cấp IV; Thời hạn sử dụng công trình từ 20-:-50 năm.

**8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- QCVN 03-2012/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- QCXDVN 05-2008: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; *DatV*

- QCVN 41-2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- QCVN 16-2019/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- QCVN 06-2020/BXD: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- Quy trình thiết kế đường đô thị TCDVN 104-2007;
- TCVN 4419-1987: Khảo sát cho xây dựng-Nguyên tắc cơ bản;
- 96 TCN 43-1990: Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình;
- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép- Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- 22TCN 263-2000: Quy trình khảo sát đường ô tô;
- 22TCN 259-2000: Quy trình khảo sát khoan thăm dò địa chất;
- 22TCN 332-2006: Quy trình thí nghiệm chỉ số CBR của đất. đá dăm;
- 22TCN 333-2006: Quy trình đầm nén đất, đá dăm;
- 22TCN 66-84: Thí nghiệm thành phần hạt;
- 22TCN 211-06: Quy trình thiết kế áo đường mềm;
- 22TCN 223-95: Quy trình thiết kế áo đường cứng;
- 22TCN 220-95: Quy trình tính toán dòng lũ;
- TCVN 9152-2012: Quy trình quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi (tham khảo);
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 7447-2010 (IEC 60364-2005): Hệ thống điện hạ áp, lựa chọn và lắp thiết bị điện;
- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;
- TCXDVN 33-2006: Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;

*Đạt ✓*



- TCVN 333-2005: Chiều sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 259-2001: Chiều sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 333-2005: Tiêu chuẩn thiết kế chiều sáng nhân tạo đường-đường phố và quảng trường đô thị;

- TCVN 259-2001: Tiêu chuẩn thiết kế-Chiều sáng nhân tạo;

- 18 TCN 04-92: Tiêu chuẩn về mạ kẽm nhúng nóng;

- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

**9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư (làm tròn): 600.000 triệu đồng (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng), trong đó:**

- Chi phí giải phóng mặt bằng và tái định cư	:	150.000,000	Triệu đồng;
- Chi phí xây dựng	:	396.087,048	Triệu đồng;
- Chi phí thiết bị + cây xanh	:	3.704,463	Triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	5.155,568	Triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	13.738,376	Triệu đồng;
- Chi phí khác	:	4.554,032	Triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	:	26.760,514	Triệu đồng;
- <b>Tổng cộng (làm tròn)</b>	:	<b>600.000,000</b>	<b>Triệu đồng.</b>

**10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021-2024.**

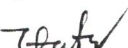
**11. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách Trung ương (270 tỷ đồng) và Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh (330 tỷ đồng).

**12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:** Theo quy định hiện hành.

**14. Các nội dung khác:** Thực hiện theo Báo cáo kết quả thẩm định số 217/KQTĐ-SXD ngày 19/8/2021 của Sở Xây dựng Sơn La.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1, Quyết định này; quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, tiết kiệm, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt. 

2. Cơ quan thẩm định có trách nhiệm rà soát; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về các nội dung thẩm định, trình phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Giám Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ctv*

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (bc);
- Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đồng chí Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (T/h);
- UBND huyện Mộc Châu (05 bản);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT(Đặt). 20 bản.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Minh**